

AGIFISH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Xuyên, ngày 18 tháng 6 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

Căn cứ Luật Kế toán ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung quy định áp dụng tại công ty trách nhiệm hữu hạn Công ty Cổ phần Thủy sản An Giang ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;

Căn cứ nội dung công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang

Căn cứ Nghị quyết nội dung số 01/NQ-HC/2021 ngày 18 tháng 6 năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, mục đích và nội dung áp dụng

1. Phạm vi nội dung: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định các nội dung nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, nội dung công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung áp dụng: Quy chế này áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Hội đồng công đồng, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và việc phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quy định và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có ý thức các quy định theo quy định của Luật Công ty, pháp luật liên quan và nội quy công ty, trong đó có quy định cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các thành viên trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định nội quy công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của công ty và của Công ty;
 - b) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề cần đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ về Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tất cả chi phí nhận được từ các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên với nội dung về thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch có liên quan của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị chấp hành công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị (theo khoản 3 điều 277 Nghị định 155).

Điều 4. Quy định cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quy định yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các thành viên trong Công ty.
2. Người quản lý có yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do nội quy công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị cùng một lúc thực hiện nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp tục công việc.

4. Điều kiện công ty quy định về thành lập, quy định, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phân phối lợi nhuận của các thành viên Hội đồng quản trị công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc bất kỳ quy định nào của Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không phải là công nhân của Công ty, trợ lý hoặc nhân viên công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, từ các khoản phúc lợi mà thành viên Hội đồng quản trị công ty hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố, mẹ nuôi, mẹ, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là công nhân của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số phần vốn có quy định của Công ty;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên công ty Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và ngay khi không còn là thành viên công ty Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trợ lý hoặc nhân viên công ty Hội đồng quản trị không còn đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện từ thời điểm chấp hành quy định của Công ty về việc thay thế thành viên công ty Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên công ty Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chức năng Hội đồng quản trị

1. Chức năng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chức năng Hội đồng quản trị Công ty không bao gồm Kiểm toán giám đốc.

3. Chức năng Hội đồng quản trị có quy định và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị kế hoạch kinh doanh, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị;

) Ch t a c u c h p i h i n g c ô n g ;

e) Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l công ty.

4. Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr có n t ch c ho c b bãi mi n, H i ng qu n tr ph i b u n g i thay th trong th i h n **10 ngày** k t ngày nh n n t ch c ho c b bãi mi n. Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr v ng m t ho c không th th c hi n c nhi m v c a mình thì ph i y quy n b ng v n b n cho m t thành viên khác th c hi n quy n và ngh a v c a Ch t ch H i ng qu n tr theo nguyên t c quy nh t i i u l công ty. Tr ng h p không có ng i c y quy n ho c Ch t ch H i ng qu n tr ch t, m t tích, b t m giam, ang ch p hành hình ph t tù, ang ch p hành bi n pháp x lý hành chính t i c s cai nghi n b t bu c, c s giáo d c b t bu c, tr n kh i n i c trú, b h n ch ho c m t n ng l c hành vi dân s , có khó kh n trong nh n th c, làm ch hành vi, b Tòa án c m m nhi m ch c v , c m hành ngh ho c làm công vi c nh t nh thì các thành viên còn l i b u m t ng i trong s các thành viên gi ch c Ch t ch H i ng qu n tr theo nguyên t c a s thành viên còn l i tán thành cho n khi có quy t nh m i c a H i ng qu n tr .

5. Khi xét th y c n thi t, H i ng qu n tr quy t nh b nhi m th ký công ty. Th ký công ty có quy n và ngh a v sau ây:

- H tr t ch c tri u t p h p i h i n g c ô n g, H i ng qu n tr ; ghi chép các biên b n h p;
- H tr thành viên H i ng qu n tr trong vi c th c hi n quy n và ngh a v c giao;
- H tr H i ng qu n tr trong áp d ng và th c hi n nguyên t c qu n tr công ty;
- H tr Công ty trong xây d ng quan h c ô n g và b o v quy n, l i ích h p pháp c a c ô n g; vi c tuân th ngh a v cung c p thông tin, công khai hóa thông tin và th t c hành chính;

) Quy n và ngh a v khác theo quy nh t i i u l công ty.

i u 8. Mi n nhi m, bãi nhi m, thay th và b sung thành viên H i ng qu n tr

1. i h i n g c ô n g mi n nhi m thành viên H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:

- Không có tiêu chu n và i u ki n theo quy nh t i i u 155 Lu t Doanh nghi p;
- Có n t ch c và c ch p thu n;
- Tr ng h p khác quy nh t i i u l công ty.

2. i h i n g c ô n g bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:

- Không tham gia các ho t ng c a H i ng qu n tr trong **06** tháng liên t c, tr tr ng h p b t kh kháng;
- Tr ng h p khác quy nh t i i u l công ty.

3. Khi xét th y c n thi t, i h i n g c ô n g quy t nh thay th thành viên H i ng qu n tr ; mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr ngoài tr ng h p quy nh t i kho n 1 và kho n 2 i u này.

4. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i n g c ô n g b u b sung thành viên H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:

- S thành viên H i ng qu n tr b gi m quá m t ph n ba so v i s quy nh t i i u l công ty. Tr ng h p này, H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i n g c ô n g trong th i h n **60** ngày k t ngày s thành viên b gi m quá m t ph n ba;
- S l ng thành viên c l p H i ng qu n tr gi m xu ng, không b o m t l theo quy nh t i i m b kho n 1 i u 137 Lu t doanh nghi p;

c) Tr ng h p quy nh t i i m a và i m b kho n này, i h i ng c ông b u thành viên m i thay th thành viên H i ng qu n tr ã b mi n nhi m, bãi nhi m t i cu c h p g n nh t.

i u 9. Cách th c b u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr

1. C ông ho c nhóm c ông s h u t **10%** t ng s c ph n ph thông tr lên ho c có quy n c ng i vào H i ng qu n tr. Vi c c ng i vào H i ng qu n tr th c hi n nh sau:

a) Các c ông ph thông h p thành nhóm c ng i vào H i ng qu n tr ph i thông báo v vi c h p nhóm cho các c ông đ h p bi t tr c khi khai m c i h i ng c ông;

b) C n c s l ng thành viên H i ng qu n tr, c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n này c quy n c m t ho c m t s ng i theo quy t nh c a i h i ng c ông làm ng c viên H i ng qu n tr. Tr ng h p s ng c viên c c ông ho c nhóm c ông c th p h n s ng c viên mà h c quy n c theo quy t nh c a i h i ng c ông thì s ng c viên còn l i do H i ng qu n tr và các c ông khác c .

2. Tr ng h p s l ng ng c viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t theo quy nh t i kho n 5 i u 115 Lu t Doanh nghi p, H i ng qu n tr ng nhi m gi i thi u thêm ng c viên ho c t ch c c theo quy nh t i i u l công ty, Quy ch n i b v qu n tr công ty và Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr. Vi c H i ng qu n tr ng nhi m gi i thi u thêm ng c viên ph i c công b rõ ràng tr c khi i h i ng c ông bi u quy t b u thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a pháp lu t.

3. Vi c bi u quy t b u thành viên H i ng qu n tr ph i th c hi n theo ph ng th c b u đ n phi u, theo ó m i c ông có t ng s phi u bi u quy t t ng ng v i t ng s c ph n s h u nhân v i s thành viên c b u c a H i ng qu n tr và c ông có quy n đ n h t ho c m t ph n t ng s phi u b u c a mình cho m t ho c m t s ng c viên. Ng i trúng c thành viên H i ng qu n tr c xác nh theo s phi u b u tính t cao xu ng th p, b t u t ng c viên có s phi u b u cao nh t cho n khi s thành viên quy nh t i i u l công ty. Tr ng h p có t 02 ng c viên tr lên t cùng s phi u b u nh nhau cho thành viên cu i cùng c a H i ng qu n tr thì s ti n hành b u l i trong s các ng c viên có s phi u b u ngang nhau ho c l a ch n theo tiêu chí quy ch b u c ho c i u l công ty.

4. Vi c b u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr do i h i ng c ông quy t nh theo nguyên t c b phi u.

i u 10. Thông báo v b u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr

1. Tr ng h p ã xác nh c ng c viên H i ng qu n tr, Công ty ph i công b thông tin liên quan n các ng c viên t i thi u **10 ngày** tr c ngày khai m c h p i h i ng c ông trên trang thông tin i n t c a Công ty c ông có th tìm hi u v các ng c viên này tr c khi b phi u, ng c viên H i ng qu n tr ph i có cam k t b ng v n b n v tính trung th c, chính xác c a các thông tin cá nhân c công b và ph i cam k t th c hi n nhi m v m t cách trung th c, c n tr ng và vì l i ích cao nh t c a Công ty n u c b u làm thành viên H i ng qu n tr. Thông tin liên quan n ng c viên H i ng qu n tr c công b bao g m:

a) H tên, ngày, tháng, n m sinh;

b) Trình chuyên môn;

- c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm các chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định của pháp luật công ty;
 - g) Công ty và chúng tôi có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ông/cô là thành viên giám đốc và thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ông/cô là thành viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo và kê khai bổ sung, bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định của pháp luật công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện quy định và nghĩa vụ của công ty, thực hiện các quy định và nghĩa vụ thu thuộc quy định của pháp luật.
2. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, pháp luật công ty và pháp luật công đồng quy định. Các Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quy định và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Kiểm soát hiệu quả và tăng trưởng các quy định chào bán của công ty;
 - c) Quyết định bán các phần vốn của công ty trong phạm vi số vốn của quy định chào bán của công ty; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán các phần vốn và trái phiếu của Công ty;
 - 1) Quyết định mua lại các phần vốn theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phân phối lợi nhuận và dự trữ trong phạm vi quy định và ghi nhận theo quy định của pháp luật;
 - f) Quyết định chi phí phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trên sổ ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp hợp pháp, giao dịch thu thuộc quy định của pháp luật công đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp];
 - h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do pháp luật công ty quy định; quyết định tuyển dụng, thôi việc và lợi ích khác của nhân viên quản lý; công bố; công bố lợi ích đi kèm theo quy định tham gia Hội đồng thành viên hoặc pháp luật công đồng công ty khác, quyết định mức thù lao và quy định khác của nhân viên quản lý;
 - i) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong phạm vi hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

- l) Quy định về cấu trúc, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quy định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và văn phòng đại diện, mua sắm của doanh nghiệp khác;
- m) Duy trì công trình, nội dung tài liệu phục vụ hội đồng, triểu tập hội đồng, hội đồng quản trị, hội đồng thông qua quy định;
- n) Trình báo cáo tài chính hàng năm để kiểm toán lên hội đồng;
- o) Kiểm soát nội bộ; quy định về nhân sự và tổ chức nhân sự để phát triển trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiểm soát chi tiêu, giá trị Công ty; yêu cầu pháp nhân Công ty;
- q) Quy định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ quản trị công ty sau khi được hội đồng thông qua; quy định ban hành Quy chế hoạt động của ban kiểm soát Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, quy định khác của pháp luật và nội bộ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua quy định, quy định về nội dung quy định nội bộ, lý do ký kết nội bộ văn bản hoặc hình thức khác để nội bộ công ty quy định. Mọi thành viên Hội đồng quản trị có mặt phải ký quy định.
4. Trường hợp quy định, quy định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, quy định nội bộ công ty, nội bộ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua quy định, quy định có liên quan phải chịu trách nhiệm cá nhân về quy định, quy định và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty; thành viên phải thông qua quy định, quy định nói trên để miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, công ty của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ hành vi hoặc yêu cầu bồi thường quy định, quy định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch đơn thuần có giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch ưu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một lần, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định nội bộ công ty của Công ty và nội bộ công ty trong các trường hợp sau:
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các trường hợp này;
 - Công ty, người đại diện quy định của công ty có trên 10% tổng vốn cổ phần thông qua Công ty và người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các trường hợp có liên quan về nội dung, nội dung, nội dung và giá trị kèm theo danh sách nội dung chi tiết của giao dịch. Hội đồng quản trị quy định về việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp nội bộ công ty quy định thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điểm 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triển khai chính sách công bố thông tin

1. Hội đồng quản trị phải triển khai chính sách công bố thông tin trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của các công đoàn nhóm công quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triển khai chính sách công bố thông tin của thị trường chứng khoán, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công văn liên quan hoặc văn bản yêu cầu lập thành văn bản và triển khai ký các công văn có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và nội quy công ty.

2. Triển khai chính sách công bố thông tin

Trường hợp nội quy công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triển khai chính sách công bố thông tin trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định nội quy công ty hoặc nhu cầu yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Nội triển khai chính sách công bố thông tin các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách công bố quy định;
- b) Cung cấp thông tin và giải thích khi cần liên quan đến danh sách công bố;
- c) Lập chương trình và nội dung cụ thể;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cụ thể;
- e) Đồng ý quy định của chính sách công bố thông tin theo nội dung đề nghị của cụ thể; danh sách và thông tin chi tiết của các công bố viên trong trường hợp bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm;
- g) Gửi thông báo mời họp nội bộ công bố quy định theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phù hợp cụ thể.

Điểm 14. Các tiêu chuẩn giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu chuẩn trách nhiệm chính sách phát triển, nhân sự, kế toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu chuẩn do Hội đồng quản trị quy định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên lập Hội đồng quản trị / thành viên Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chỉ nhiệm vụ trong tiêu chuẩn và một trong số các thành viên này có nhiệm vụ làm Trưởng tiêu chuẩn theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng của tiêu chuẩn phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Quy định của tiêu chuẩn có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu chuẩn.

2. Việc thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của công ty, Quy chế nội bộ của công ty.

Chương IV **CỦNG CƯỜNG NỘI QUY QUẢN TRỊ**

Điều 15. Cấu trúc Hội đồng quản trị

1. Cấu trúc Hội đồng quản trị được bố trí trong cấu trúc ưu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc Hội đồng quản trị đó. Cấu trúc này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tập thể phiếu bầu cao nhất trực tiếp và chi trả. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc ngẫu nhiên 01 người trong số những người trực tiếp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải ít nhất có 01 nữ và có thể có nhiều hơn.

3. Cấu trúc Hội đồng quản trị trực tiếp của Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có ngân sách của Ban kiểm soát hoặc thành viên tập thể Hội đồng quản trị;
- b) Có ngân sách của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có ngân sách ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do nội bộ công ty quy định.

4. Ngân quy định tại khoản 3 điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, văn bản cơ sở và quy định thu nhập của Hội đồng quản trị.

5. Cấu trúc Hội đồng quản trị trực tiếp của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ngân quy định tại khoản 3 điều này. Trường hợp không trực tiếp của Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra với Công ty; người ngân có quyền thay thế Cấu trúc Hội đồng quản trị trực tiếp của Hội đồng quản trị.

6. Cấu trúc Hội đồng quản trị hoặc người trực tiếp của Hội đồng quản trị phải gửi thông báo miệng hoặc văn bản là 03 ngày làm việc trước ngày họp nội bộ của công ty không có quy định khác. Thông báo miệng phải xác nhận thời gian và địa điểm họp, chi trả, các văn bản cơ sở và quy định. Thông báo miệng phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu bầu quy định của thành viên.

Thông báo miệng của Hội đồng quản trị có thể gửi bằng miệng, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do nội bộ công ty quy định và báo cáo liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị được ký tại Công ty.

7. Cấu trúc Hội đồng quản trị hoặc người trực tiếp gửi thông báo miệng và các tài liệu kèm theo cho các thành viên Ban Kiểm soát nội bộ và các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền đề xuất các cấu trúc Hội đồng quản trị; có quyền văn bản liên quan không bị quy định.

8. Cấu trúc Hội đồng quản trị chỉ tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trực tiếp họp. Trường hợp của cấu trúc trực tiếp theo quy định tại khoản này không có thành viên trực tiếp theo quy định thì trực tiếp lần đầu tiên hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày họp lần đầu tiên, trường hợp nội bộ công ty quy định thời hạn khác nếu có. Trường hợp

h p này, cu c h p c ti n hành n u có h n m t n a s thành viên H i ng qu n tr d h p.

9. Thành viên H i ng qu n tr c coi là tham d và bi u quy t t i cu c h p trong tr ng h p sau ây:

a) Tham d và bi u quy t tr c ti p t i cu c h p;

b) y quy n cho ng i khác d h p và bi u quy t theo quy nh t i kho n 11 i u này;

c) Tham d và bi u quy t thông qua h i ngh tr c tuy n, b phi u i n t ho c hình th c i n t khác;

d) G i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , fax, th i n t ;

) G i phi u bi u quy t b ng ph ng ti n khác theo quy nh trong i u l công ty.

10. Tr ng h p g i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , phi u bi u quy t ph i ng trong phong bì dán kín và ph i c chuy n n Ch t ch H i ng qu n tr ch m nh t là 01 gi tr c khi khai m c. Phi u bi u quy t ch c m tr c s ch ng ki n c a t t c nh ng ng i d h p.

11. Thành viên ph i tham d y các cu c h p H i ng qu n tr tr tr ng h p b t kh kháng. Thành viên c y quy n cho ng i khác d h p và bi u quy t n u c a s thành viên H i ng qu n tr ch p thu n.

12. Tr tr ng h p i u l công ty có quy nh t l khác cao h n, ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr c thông qua n u c a s thành viên d h p tán thành; tr ng h p s phi u ngang nhau thì quy t nh cu i cùng thu c v phía có ý ki n c a Ch t ch H i ng qu n tr .

i u 16. Biên b n h p H i ng qu n tr

1. Các cu c h p H i ng qu n tr ph i c ghi biên b n và có th ghi âm, ghi và l u gi d i hình th c i n t khác. Biên b n ph i l p b ng ti ng Vi t và có th l p thêm b ng ti ng n c ngoài, bao g m các n i dung ch y u sau ây:

a) Tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p;

b) Th i gian, a i m h p;

c) M c ích, ch ng trình và n i dung h p;

d) H , tên t ng thành viên d h p ho c ng i c y quy n d h p và cách th c d h p; h , tên các thành viên không d h p và lý do;

) V n c th o lu n và bi u quy t t i cu c h p;

e) Tóm t t phát bi u ý ki n c a t ng thành viên d h p theo trình t đi n bi n c a cu c h p;

g) K t qu bi u quy t trong ó ghi rõ nh ng thành viên tán thành, không tán thành và không có ý ki n;

h) V n ã c thông qua và t l bi u quy t thông qua t ng ng;

i) H , tên, ch ký ch t a và ng i ghi biên b n, tr tr ng h p quy nh t i kho n 2 i u này.

2. Tr ng h p ch t a, ng i ghi biên b n t ch i ký biên b n h p nh ng n u c t t c thành viên khác c a H i ng qu n tr tham d h p ký và có y n i dung theo quy nh t i các i m a, b, c, d, , e, g và h kho n 1 i u này thì biên b n này có hi u l c.

3. Ch t a, ng i ghi biên b n và nh ng ng i ký tên trong biên b n ph i ch u trách nhi m v tính trung th c và chính xác c a n i dung biên b n h p H i ng qu n tr .

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phiên cuối cùng của Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phiên cuối cùng của Công ty.
5. Biên bản họp Ban giám đốc và Ban giám đốc ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản họp Ban giám đốc và Ban giám đốc ngoài thì nội dung trong biên bản họp Ban giám đốc áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Hội đồng báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các mục a, b và c khoản 1 điều này phải gửi Ban kiểm soát thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Hội đồng thường niên của Hội đồng quản trị Công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phiên cuối cùng của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Hội đồng thường niên của Hội đồng quản trị Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc như trên. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quy định theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, được ghi nhận thành mức riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được vì điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được thêm thù lao dựa trên cơ sở tính toán công trình gói theo từng lần, lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc đi tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể của Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và nội dung công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trên hợp nội dung công ty không có quy định khác biệt, vì công khai lợi ích và những lợi ích liên quan của Công ty theo quy định như sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sự phụ trợ góp vốn; tài sản và thị giá của sự phụ trợ góp vốn đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có liên quan của họ cùng sự phụ trợ góp vốn riêng phụ trợ góp vốn trên 10% về nội dung.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 điều này phải thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sự sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện công việc để hình thành trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty ưu tiên gì trong trình bày, nội dung của công việc đó trên Hội đồng quản trị và thực hiện khi các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có thể họ thu được từ Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ pháp lý, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về những lợi ích liên quan trong quá trình xử lý công việc của phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị của phân công chịu trách nhiệm chính phải chịu trách nhiệm pháp lý, nếu có vấn đề liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị khác phải chịu trách nhiệm. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải có lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điểm 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Vì vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các quy định Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định.

Điểm 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và công lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

I. ƯU KHUẨN THI HÀNH

Điểm 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang bao gồm 07 chương, 23 điểm và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2021.

Trên đây quy định nội dung Quy chế này khác hoàn toàn với quy định nội dung Công ty thì áp dụng theo quy định nội dung Công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHÍNH THỨC**



CHÂU DUY CƯỜNG